

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2026/DSST

Ngày: 26/01/2026

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đông

2. Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng** – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Thanh Hương** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2025/TLST – DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 172/2025/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 13/2026/QĐST – DS ngày 15/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín

Trụ sở: số 226 – 288 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Anh – sinh năm 1980

Bị đơn: Bà Hoàng Thị Y – sinh năm 1976

Địa chỉ: số nhà 22, tổ 37 phường Long Biên, TP. Hà Nội

(Ông Phan Anh vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Y đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 26/01/2015, Bà Y có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của Bà Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074-6660 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng (*năm mươi triệu đồng*), với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 63,479,000 đồng (*sáu mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bà Y đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40,588,171 đồng (*bốn mươi triệu năm trăm tám mươi tám nghìn một trăm bảy mươi một đồng*). Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà Y vẫn không có thiện chí trả nợ. Do Bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: $(2.15\% \times 150\%) = 3.225\%/tháng$.

Tính đến ngày 26/01/2026, Bà Y còn nợ cụ thể các khoản sau:

Gốc: 48,073,618 đồng

Lãi quá hạn: 172,803,431 đồng.

Dư nợ: 220,877,049 đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu Bà Y có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên Bà Y vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc Bà Hoàng Thị Y phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 26/01/2026 là 220,877,049 đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu,*

tám trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng). Trong đó: Gốc: 48,073,618 đồng, Lãi quá hạn: 172,803,431 đồng

2. Bà Hoàng Thị Y có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh sau ngày 26/01/2026 cho đến khi trả dứt nợ gốc vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn bà Hoàng Thị Y:

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo về quyền và nghĩa vụ cho bà Y, triệu tập hợp lệ nhưng bà Y không có mặt theo giấy triệu tập của tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

Kể từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70 và Điều 71 BLTTDS.

Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Hội đồng xét xử ra bản án vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi nhận xét về nội dung vụ án, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 26 BLTTDS năm 2015; Điều 351, 357 BLDS năm 2015; Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Nghị quyết 326 về lệ phí, án phí tòa án,

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, buộc bà Hoàng Thị Y phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc tính đến ngày 17/11/2025 là 48.073.618 đồng và nợ lãi theo quy định của pháp luật. Bà Y có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ sau ngày 17/11/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

+ Bà Hoàng Thị Y có nghĩa vụ nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín khởi kiện bà Hoàng Thị Y có địa chỉ theo hợp đồng tại P6-A1, TT Trạm nước, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Tòa án nhân dân quận Đống Đa, TP. Hà Nội đã thụ lý vụ án ngày 29/3/2024 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 15/5/2024, công an phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội cung cấp: Bà Hoàng Thị Y không cư trú tại địa chỉ trên và đã chuyển hộ khẩu đi từ năm 2016. Nơi cư trú hiện tại của bà Y là tổ 4, phường Cự Khối, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân quận Đống Đa đã ban hành quyết định chuyển vụ án số 274/2024/QĐ-CVA chuyển hồ sơ vụ án nêu trên đến Tòa án nhân dân quận Long Biên, TP. Hà Nội để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi nhận được hồ sơ vụ án, ngày 22/10/2025; Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội đã thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26; Điều 35; điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 5 – Hà Nội đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức công khai chứng cứ, hoà giải và tổng đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

3. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín:

3.1 Về hiệu lực của Hợp đồng:

Ngày 26/01/2015, Bà Hoàng Thị Y có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy

đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng- các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của Bà Y, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 472074-6660 với hạn mức sử dụng là 50,000,000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân

Hợp đồng được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội. Do đó, hợp đồng có hiệu lực pháp luật và ràng buộc trách nhiệm của các bên.

3.2 Về nghĩa vụ thanh toán của khách hàng:

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, khách hàng có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản:

- Dư nợ gốc phát sinh từ việc sử dụng thẻ;
- Lãi trong hạn, lãi quá hạn;
- Các khoản phí theo biểu phí đã được công bố.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Y đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 63,479,000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, Bà Y đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 40,588,171 đồng (Thứ tự thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, kể từ ngày chuyển nợ quá hạn sẽ thanh toán theo thứ tự gốc trước, lãi sau).

Do Bà Y vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 06/12/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Lãi suất quá hạn: $(2.15\% \times 150\%) = 3.225\%/tháng$.

Tính đến ngày 26/01/2026, Bà Y còn nợ cụ thể các khoản sau:

Gốc: 48,073,618 đồng

Lãi quá hạn: 172,803,431 đồng.

Dư nợ: 220,877,049 đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Mức lãi suất, lãi quá hạn và phí áp dụng được thực hiện theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật về hoạt động

ngân hàng tại thời điểm ký kết. Bà Y đã được Ngân hàng thông báo đầy đủ nhưng vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, bà Y phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và các khoản phí phát sinh tính đến thời điểm xét xử; đồng thời tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, đủ cơ sở để xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín là có căn cứ nên được chấp nhận.

4. Về án phí: Bà Hoàng Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 351, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Căn cứ nghị quyết số 326/2016/NQ /UBTVQH14 ngày 30.12.2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín đối với bà Hoàng Thị Y.

2. Buộc bà Hoàng Thị Y phải thanh toán trả cho ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tính đến ngày 26/01/2026 là:

Gốc: 48,073,618 đồng

Lãi quá hạn: 172,803,431 đồng.

Dư nợ: 220,877,049 đồng. (*Bằng chữ: Hai trăm hai mươi triệu, tám trăm bảy mươi bảy nghìn, không trăm bốn mươi chín đồng*).

Kể từ ngày 27/01/2026, bà Hoàng Thị Y tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

- Bà Hoàng Thị Y phải chịu 11.043.852đ (mười một triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 4.521.938 đồng (bốn triệu năm trăm hai mươi một nghìn chín trăm ba mươi tám đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 000001052881 ngày 19/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa – TP. Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- Thi hành án dân sự TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thu Hà

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà